



Flashcardo.com

Sperăm că aceste fișe de învățare tipărite îți vor fi utile. Pentru a găsi și mai multe produse cu fișe de învățare, mergi pe site-ul nostru www.flashcardo.com/ro. Pe Flashcardo.com oferim fișe de învățare online, fișe de învățare cu repetiție spațiată, fișe video și multe altele. Toate sunt gratuite și gata de utilizare de către cursanți din întreaga lume.

Drepturi de autor, Note privind licența

Acest PDF este protejat de legea drepturilor de autor și toate drepturile sunt rezervate. Ești liber să distribui acest PDF oricui. Totuși, nu ai voie să vinzi acest PDF sau conținutul său. Dacă ai întrebări, te rugăm să mergi pe www.flashcardo.com/ro pentru a lua legătura cu noi. Mulțumim!

Declinarea răspunderii

ACEASTĂ PDF ESTE FURNIZAT „CA ATARE”, FĂRĂ NICIO GARANȚIE DE NICIUN FEL, EXPRESĂ SAU IMPLICITĂ, INCLUSIV, DAR FĂRĂ A SE LIMITA LA GARANȚIILE DE VANDABILITATE, ADECVARE PENTRU UN ANUMIT SCOP ȘI NEÎNCĂLCARE. ÎN NICIUN CAZ AUTORII SAU DEȚINĂTORII DREPTURILOR DE AUTOR NU VOR FI RĂSPUNZĂTORI PENTRU NICIO PRETENȚIE, DAUNĂ SAU ALTĂ RĂSPUNDERE, FIE ÎNTR-O ACȚIUNE CONTRACTUALĂ, DELICTUALĂ SAU DE ALTĂ NATURĂ, REZULTATĂ DIN, DIN CAUZA SAU ÎN LEGĂTURĂ CU ACEST PDF SAU CU UTILIZAREA SAU ALTE MODALITĂȚI DE FOLOSIRE A ACESTUI PDF.

Drepturi de autor © 2025 Flashcardo.com. Toate drepturile rezervate

Tipărire față-verso

Te rugăm să reții că aceste fișe de învățare sunt concepute pentru a fi tipărite față-verso. Dacă imprimanta ta nu poate tipări față-verso, descarcă fișierele PDF cu fișe individuale pentru tipărire.

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

el

tu

eu

noi

el/ea

ea

ce

ei/ele

voi

de ce

unde

cine

când

care

cum

chiar

dacă

apoi

nu

deoarece

dar

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

đó
vật

tất cả

hoặc

và

biết

Tôi biết

Tôi không biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

Cât costă asta?

Am nevoie de asta

acesta

sau

tot

acela

Știu

a ști

și

a veni

a gândi

Nu știu

a găsi

a lua

a pune

a vorbi

a lucra

a asculta

a ajuta

a plăcea

a da

yêu

gọi

chờ đợi

Tôi thích bạn

Tôi không thích cái này

Bạn có yêu tôi không?

Tôi yêu bạn

không

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

a aștepta

a da un apel telefonic

a iubi

Mă iubești?

Nu-mi place asta

Îmi place de tine

1

0

Te iubesc

4

3

2

7

6

5

10

9

8

13

12

11

mười bốn

mười năm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

mới

cũ

ít

nhiều

bao nhiêu?
đại cương

bao nhiêu?
số

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

16

15

14

19

18

17

vechi

nou

20

cât?

mulți/multe

puțini/puține

corect

greșit

câți?

fericit

bun

rău

mic

lung

scurt

lớn
to

đó
địa điểm

đây

phải

trái

xinh đẹp

trẻ

già

xin chào

hẹn gặp lại

được

bảo trọng nhé

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

chào

bái bai

tạm biệt

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

aici

acolo

mare

frumos

stânga

dreapta

bună

bătrân

tânăr

ai grijă de tine

ok

ne vedem mai târziu

bună ziua

bineînțeles

nu-ți face probleme

la revedere

pa pa

salut

mulțumesc

scuze

mă scuzați

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tuần

tháng

năm

thời gian

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

acum

Vreau asta

te rog

noapte

dimineață

după-amiază

amiază

seară

zori

minut

oră

miezul nopții

săptămână

zi

secundă

timp

an

lună

ieri

alaltăieri

dată

hôm nay

ngày mai

ngày kia

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

Ngày mai là thứ bảy

cuộc đời

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

trẻ em

poimâine

mâine

astăzi

miercuri

marți

luni

sâmbătă

vineri

joi

viață

Mâine este sâmbătă

duminică

iubire

bărbat

femeie

prieten

iubită

iubit

copil

sex

sărut

em bé

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

đúng

ngồi

nằm xuống

đóng

mở
cửa

thua

thắng

băiat

fată

bebeluș

mamă

tati

mami

fiu

părinți

tată

frate mai mic

soră mai mică

fiică

a sta

frate mai mare

soră mai mare

a închide

a se întinde

a se așeza

a câștiga

a pierde

a deschide

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

câu hỏi

công ty

kinh doanh

a aprinde

a trăi

a muri

a răni

a ucide

a stinge

a bea

a privi

a atinge

a întâlni

a umbla

a mânca

a urmări

a săruta

a paria

a întreba

a răspunde

a se căsători

afacere

firmă

întrebare

việc làm

tiền

điện thoại

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

telefon

bani

meserie

spital

doctor

birou

președinte

polițist

asistentă medicală

roșu

negru

alb

galben

verde

albastru

amuzant

rapid

lent

difícil

corect

nedrept

dễ

Cái này khó

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

bogat

Este dificil

simplic

slab

puternic

sărac

mândru

obosit

sigur

sănătos

bolnav

plin

înalt

jos

furios

mereu

fiecare

drept

deja

din nou

de fapt

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

Tôi muốn nhiều hơn

không có

rất

động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

mai mult

cel mai

mai puțin

foarte

niciunul

Vreau mai mult

vacă

porc

animal

oaie

câine

cal

urs

pisică

maimuță

fluture

rață

găină

păianjen

pește

albină

con rắn

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

ngọt

chua

lạ

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

înăuntru

afară

șarpe

dedesubt

aproape

departe

înainte

lângă

deasupra

acru

dulce

înapoi

tare

moale

ciudat

nebun

prost

drăguț

scund

înalt

ocupat

lo lắng

ngạc nhiên

ngẫu

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

kéo

đẩy

ấn

grozav

surprins

îngrijorat

deștept

rău

cuminte

cap

fierbinte

rece

gură

păr

nas

mână

ochi

ureche

creier

inimă

picioar

a apăsa

a împinge

a trage

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

nghỉ ngơi

thưởng thức

dọn dẹp

a lupta

a prinde

a lovi

a citi

a alerga

a arunca

a număra

a repara

a scrie

a cumpăra

a vinde

a tăia

a visa

a studia

a plăti

a sărbători

a se juca

a dormi

a curăța

a se bucura

a se odihni

trường học

nhà ở

cửa

chồng

vợ

đám cưới

người

xe hơi

nhà

thành phố

số

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

ușă

casă

școală

nuntă

soție

soț

acasă

mașină

persoană

21

număr

oraș

30

26

22

37

33

31

44

41

40

bốn mươi tám

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi lăm

năm mươi chín

sáu mươi

sáu mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi sáu

bảy mươi

bảy mươi mốt

bảy mươi ba

bảy mươi bảy

tám mươi

tám mươi mốt

tám mươi bốn

tám mươi tám

chín mươi

chín mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi chín

51

50

48

60

59

55

66

62

61

73

71

70

81

80

77

90

88

84

99

95

91

một trăm

một nghìn

mười nghìn

một trăm nghìn

một triệu

con chó của tôi

con mèo của bạn

váy của cô ấy

xe của anh ấy

quả bóng của nó

nhà của chúng tôi

đội của bạn

công ty của họ

mọi người

cùng nhau

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

10.000

1000

100

căţelul meu

1.000.000

100.000

maşina lui

rochia ei

pisica ta

echipa voastră

casa noastră

mingea lui

împreună

toţi

firma lor

noroc

nu contează

alt

bine aţi venit

Sunt de acord

linişteşte-te

không phải lo

rễ phải

rễ trái

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trúng

phô mai

sữa

cá

thịt

rau

trái cây

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

đồ uống

nước

întoarce la stânga

întoarce la dreapta

nicio problemă

ou

Vino cu mine

mergi tot înainte

pește

lapte

brânză

fruct

legumă

carne

pâine

ulei

os

bomboană

ciocolată

zahăr

apă

băutură

prăjitură

nước soda

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

bữa trưa

bữa tối

pizza

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

ceai

cafea

apă minerală

salată

vin

bere

mic dejun

desert

supă

pizza

cină

prânz

gară

tren

autobuz

navă

avion

stație de autobuz

motocicletă

bicicletă

autocamion

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

quần áo

giày dép

áo choàng

áo len

áo sơ mi

áo khoác

áo phộc

quần dài

đầm

áo phông

bít tất

áo ngực

quần lót

kính

túi xách

ví tiền

ví

parcare

semafor

taxi

pantof

îmbrăcăminte

șosea

cămașă

pulover

palton

pantaloni

costum

jachetă

șosetă

tricou

rochie

ochelari

boxeri

sutien

portofel

poșetă

geantă de mână

nhấn

mũ

đồng hồ đeo tay

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Tôi 22 tuổi

Bạn có khỏe không?

Bạn có ổn không?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

ceas

pălărie

inel

Numele meu este David

Cum te numești?

buzunar

Ești bine?

Ce mai faci?

Am 22 de ani

primăvară

Mi-e dor de tine

Unde este toaleta?

iarnă

toamnă

vară

martie

februarie

ianuarie

iunie

mai

aprilie

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

mua sắm

hóa đơn

chợ

siêu thị

tòa nhà

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

septembrie

august

iulie

decembrie

noiembrie

octombrie

piață

bon

cumpărături

apartament

clădire

supermarket

biserică

fermă

universitate

sală de fitness

bar

restaurant

hartă

toaletă

parc

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

súng

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

ngôi làng

sức khỏe

dược phẩm

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

cảm lạnh

vết thương

cuộc hẹn

ho

cổ

mông

vai

pistol

poliție

ambulanță

suburbie

țară

pompieri

medicină

sănătate

sat

operație

pacient

accident

răceală

febră

pastilă

tuse

programare

rană

umăr

fund

gât

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

màu sắc

màu cam

màu xám

màu nâu

braț

picioar

genunchi

spate

sân

burtă

buză

limbă

dinte

stomac

deget de la picior

deget

nerv

ficat

plămân

culoare

intestin

rinichi

maro

gri

portocaliu

màu hồng

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

độc

bằng phẳng

tròn

vuông

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bắc

đông

nam

tây

greu

plictisitor

roz

înfometat

singur

ușor

abrupt

trist

însetat

pătrat

rotund

plat

adânc

lat

îngust

nord

uriaș

puțin adânc

vest

sud

est

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

tối

sáng

quyến rũ

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

thân thiện

tội lỗi

mù

say

ướt

khô

plin

curat

murdar

ieftin

scump

gol

sexy

luminos

întunecat

generos

curajos

leneș

nătâng

urât

arătos

orb

vinovat

prietenos

uscat

umed

beat

ấm áp

ồn ào

yên tĩnh

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

liniștit

zgomotos

cald

baie

bucătărie

tăcut

grădină

dormitor

sufragerie

subsol

perete

garaj

acoperiș

scară

toaletă

ceașcă

cuțit

fereastră

pahar

farfurie

pahar

thùng rác

tô

bộ tivi

bàn
văn phòng

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hồ bơi
vườn

chuông

hàng xóm

thất bại

chọn

bắn

bình chọn

rơi xuống

bảo vệ

televizor

castron

coș de gunoi

oglină

pat

birou

fotografie

canapea

duș

scaun

masă

ceas

vecin

sonerie

piscină

a împușca

a alege

a eșua

a apăra

a cădea

a vota

tấn công

trộm

đốt

cứu

hút thuốc

bay

mang theo

khắc nhở

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

đe dọa

chia sẻ

a arde

a fura

a ataca

a zbura

a fuma

a salva

a şuta

a scuipa

a căra

a mirosi

a respira

a muşca

a zâmbi

a cânta

a plânge

a se micşora

a creşte

a râde

a împărţi

a ameninţa

a se certa

cho ăn

trốn

cảnh báo

bơi

nhảy

lăn

nâng

đào

sao chép

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

tắm vòi sen

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

sách

a avertiza

a ascunde

a hrăni

a se rostogoli

a sări

a înota

a copia

a săpa

a ridica

a practica

a căuta

a livra

a face duș

a picta

a călători

a spăla

a încuia

a deschide

carte

a găti

a se ruga

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

tiếng Anh

tiếng Pháp

cây bút

bút chì

ba phần trăm

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

kết quả

hình vuông

hình tròn

diện tích

ngiên cứu

examen

temă pentru acasă

biblioteca

istorie

științe

lecție

franceză

engleză

arte

3%

creion

pix

al treilea

al doilea

primul

pătrat

rezultat

al patrulea

cercetare

arie

cerc

bằng cấp

cử nhân

thạc sĩ

x nhỏ hơn y

x lớn hơn y

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

masterat

licență

grad

stres

$x > y$

$x < y$

departament

personal

asigurare

scrisoare

adresă

salariu

pilot

detectiv

căpitan

avocat

profesor

profesor

judecător

asistent

secretară

giám đốc

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

tập tin

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

điện thoại di động

pháp luật

nhà tù

chứng cứ

bucătar

manager

director

infractor

șofer de autobuz

șofer de taxi

număr de telefon

artist

model

chat

aplicație

semnal

adresă de e-mail

url

fișier

telefon mobil

e-mail

website

dovadă

închisoare

lege

tiền phạt

nhân chứng

tòa án

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

điện

máy ảnh

đài radio

quà tặng

cái chai

cái túi

chìa khóa

búp bê

thiên thần

tribunal

martor

amendă

profit

pagubă

semnătură

card de credit

sumă

client

piscină

bancomat

parolă

radio

cameră foto

curent electric

sacoșă

sticlă

cadou

înger

păpușă

cheie

lược

kem đánh răng

bàn chải đánh răng

dầu gội

kem thoa

khăn giấy

son môi

truyền hình

rạp chiếu phim

tin tức

ghế
rạp chiếu phim

vé

màn chiếu

âm nhạc

sân khấu

khán giả

hội họa

trò đùa

bài báo

báo chí

tạp chí

periuță de dinți

pastă de dinți

pieptăn

șervețel

cremă

șampon

cinema

televizor

ruj

bilet

loc

știre

scenă

muzică

ecran

glumă

pictură

audiență

revistă

ziar

articol

quảng cáo

thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

Trái Đất

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

vũ trụ

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

cenușă

natură

publicitate

Luna

diamant

foc

stea

soare

Pământ

coastă

univers

planetă

deșert

pădure

lac

râu

piatră

deal

insulă

munte

vale

đại dương

biển

thời tiết

băng

tuyết

bão táp

mưa

gió

thực vật

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

chất khí

kim loại

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên
người

vreme

mare

ocean

vijelie

zăpadă

gheață

plantă

vânt

ploaie

trandafir

iarbă

copac

metal

gaz

floare

Argintul este mai ieftin decât
aurul

argint

aur

membru

vacanță

Aurul este mai scump decât
argintul

khách sạn

bờ biển
cát

khách

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Lễ Phục sinh

chú

cô

bà nội

ông nội

bà ngoại

ông ngoại

tử vong

phần mộ

ly hôn

cô dâu

chú rể

một trăm linh một

một trăm linh năm

một trăm mười

oaspete

plajă

hotel

An Nou

Crăciun

zi de naștere

mătușă

unchi

Paște

bunică

bunic

bunică

mormânt

moarte

bunic

mire

mireasă

divorț

110

105

101

một trăm năm mươi mốt

hai trăm

hai trăm linh hai

hai trăm linh sáu

hai trăm hai mươi

hai trăm sáu mươi hai

ba trăm

ba trăm linh ba

ba trăm linh bảy

ba trăm ba mươi

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm

bốn trăm linh bốn

bốn trăm linh tám

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm

năm trăm linh năm

năm trăm linh chín

năm trăm năm mươi

năm trăm chín mươi lăm

202

200

151

262

220

206

307

303

300

400

373

330

440

408

404

505

500

484

595

550

509

sáu trăm

sáu trăm linh một

sáu trăm linh sáu

sáu trăm mười sáu

sáu trăm sáu mươi

bảy trăm

bảy trăm linh hai

bảy trăm linh bảy

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm bảy mươi

tám trăm

tám trăm linh ba

tám trăm linh tám

tám trăm ba mươi tám

tám trăm tám mươi

chín trăm

chín trăm linh bốn

chín trăm linh chín

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm chín mươi

con hổ

606

601

600

700

660

616

727

707

702

803

800

770

880

838

808

909

904

900

tigru

990

949

con chuột

con chuột cống

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

con chim

con gà trống choai

con chim bồ câu

con ngựa

côn trùng

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

thường xuyên

iepure

șobolan

șoarece

elefant

măgar

leu

porumbel

cocoș

pasăre

gândac

insectă

gâscă

furnică

muscă

țânțar

delfin

rechin

balenă

deseori

broască

melc

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

trượt băng

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

deși

deodată

imediat

alergare

tenis

gimnastică

patinaj

golf

ciclism

înot

baschet

fotbal

Regatul Unit

drumeție

scufundare

Italia

Elveția

Spania

Thailanda

Germania

Franța

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Japonia

Rusia

Singapore

China

India

Israel

Canada

Mexic

Statele Unite ale Americii

Argentina

Brazilia

Chile

Maroc

Nigeria

Africa de Sud

Algeria

Kenya

Libia

Australia

Noua Zeelandă

Egipt

Châu Phi

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

mười lăm phút

nửa tiếng

bốn mươi lăm phút

một giờ

hai giờ năm phút

ba giờ mười phút

bốn giờ mười lăm

năm giờ hai mươi

sáu giờ hai mươi năm

bảy giờ rưỡi

tám giờ ba mươi lăm

mười giờ kém hai mươi

mười một giờ kém mười năm

mười hai giờ kém mười

một giờ kém năm

một giờ sáng

hai giờ chiều

Asia

Europa

Africa

jumătate de oră

un sfert de oră

America

2:05

1:00

trei sferturi de oră

5:20

4:15

3:10

8:35

7:30

6:25

11:50

10:45

9:40

două după-amiaza

unu dimineața

12:55

tuần trước

tuần này

tuần sau

năm ngoái

năm nay

năm sau

tháng trước

tháng này

tháng sau

ngày một tháng một năm hai
nghìn mười bốn

ngày hai mươi lăm tháng hai
năm hai nghìn linh ba

ngày mười hai tháng tư năm
một nghìn chín trăm tám
mười tám

ngày mười ba tháng mười
năm một nghìn tám trăm
chín mươi chín

ngày ba mươi tháng chín
năm một nghìn chín trăm
linh bảy

ngày mười hai tháng mười
hai năm hai nghìn

trán

nếp nhăn

cằm

má
cơ thể

râu

lông mi

săptămâna viitoare

săptămâna aceasta

săptămâna trecută

anul viitor

anul acesta

anul trecut

luna viitoare

luna aceasta

luna trecută

1988-04-12

2003-02-25

2014-01-01

2000-12-12

1907-09-30

1899-10-13

bărbie

rid

frunte

gene

barbă

obraz

lông mày

eo

gáy

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

cổ tay

móng tay

gót chân

xương sống

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàn quang

tĩnh mạch

động mạch

ceafă

talie

sprânceană

deget mic

deget mare

piept

deget arătător

deget mijlociu

deget inelar

călcâi

unghie

încheietura mâinii

os

mușchi

coloană vertebrală

vertebră

coastă

schelet

arteră

venă

vezică

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

mộng nước

cay

mặn

sống
tính từ

lược

nhút nhát

tham lam

ng nghiêm khắc

điếc

penis

spermă

vagin

picant

zemos

testicul

fierț

crud

sărat

sever

lacom

timid

surd